

CÔNG TY CỔ PHẦN THUNG LŨNG DƯỢC PHẨM XANH VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THUNG LŨNG DƯỢC PHẨM XANH VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM GREEN PHARMACY VALLEY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VNGPV.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107745534

3. Ngày thành lập: 03/03/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 51, ngõ 34/156, phố Vĩnh Tuy, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0984 564 405

Fax:

Email: hanhpb.hup@gmail.com

Website: <http://vngpv.vn/>

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
2.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
3.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
4.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
5.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
6.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
7.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất; - Sản xuất sản phẩm hỗn hợp có mùi thơm dùng cho sản xuất nước hoa hoặc thực phẩm;	2029
8.	Bán buôn tổng hợp	4690
9.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
10.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ thực phẩm chức năng; - Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
11.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
12.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799

13.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
14.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
15.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
16.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
17.	Trồng cây hàng năm khác	0119
18.	Trồng cây ăn quả	0121
19.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
20.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
21.	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: Chế biến và đóng hộp rau quả Chế biến và bảo quản rau quả khác	1030
22.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
23.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
24.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
25.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
26.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác Bán buôn hoa và cây Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa)	4620
27.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thực phẩm chức năng; - Bán buôn rau, quả; - Bán buôn chè; - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; - Bán buôn thực phẩm khác;	4632
28.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
29.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác	5610
30.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh (Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh; Bán lẻ phân bón)	4773
31.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791

32.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp	4669
33.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
34.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn	7220
35.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
36.	Thu nhật sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác Chi tiết: - Thu nhật cánh kiến, nhựa cây thường, nhựa cây thơm; - Thu nhật hoa quả, rau hoang dại như trám, quả mọng, quả hạch, quả dầu, nấm rừng, rau rừng, quả rừng tự nhiên;	0230
37.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
38.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất thực phẩm chức năng; - Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạc và mù tạc; - Sản xuất giấm; - Sản xuất các loại trà dược thảo;	1079
39.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
40.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
41.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh lưu động hoặc tại chợ (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	4789
42.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
43.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: - Bán buôn đồ uống có cồn; - Bán buôn đồ uống không có cồn;	4633
44.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;	4649

45.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772(Chính)
46.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
47.	Sản xuất rượu vang	1102
48.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
49.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật Chi tiết: - Nghiên cứu và phát triển kỹ thuật và công nghệ; - Nghiên cứu và phát triển khoa học y khoa; - Nghiên cứu và phát triển công nghệ sinh học; - Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp;	7210
50.	Điều hành tua du lịch	7912
51.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

6. Vốn điều lệ: 550.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ THÙY NINH	Thôn 2, Xã Thạch Xá, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	4.000	40.000.000	7,273	001194003564	
			Tổng số	4.000	40.000.000	7,273		
2	PHẠM BÁ HẠNH	Thôn Vân Bông, Xã Khánh Hải, Huyện Yên Khánh, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	18,182	037093000915	
			Tổng số	10.000	100.000.000	18,182		

3	NGUYỄN XUÂN ĐỨC	Đông Giang, Xã Đông Giang, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.000	30.000.000	5,455	151922512	
			Tổng số	3.000	30.000.000	5,455		
4	PHẠM THẾ DUY	Khu 2, Thị trấn Tiên Lãng, Huyện Tiên Lãng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.000	30.000.000	5,455	031093004617	
			Tổng số	3.000	30.000.000	5,455		
5	NGUYỄN TRUNG KIÊN	Tổ 15, Phường Hữu Nghị, Thành phố Hoà Bình, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	8.000	80.000.000	14,545	113656593	
			Tổng số	8.000	80.000.000	14,545		
6	VŨ THỊ THANH LAN	Thôn An Trạch, Xã Nhật Tân, Huyện Tiên Lữ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.000	50.000.000	9,091	145501551	
			Tổng số	5.000	50.000.000	9,091		
7	TRẦN VĂN ƠN	Tập thể ĐH Dược, Phường Đồng Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	150.000.000	27,273	012627909	
			Tổng số	15.000	150.000.000	27,273		
8	ĐỖ VĂN ĐỨC	Thôn Thanh Bình, Xã Minh Nghĩa, Huyện Nông Công, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.000	20.000.000	3,636	174150626	
			Tổng số	2.000	20.000.000	3,636		
9	LÊ THIÊN KIM	Thôn Hưng Đạo, Thị trấn Tây Đằng, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.000	50.000.000	9,091	001093007517	
			Tổng số	5.000	50.000.000	9,091		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM BÁ HẠNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 18/09/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 037093000915

Ngày cấp: 22/06/2016

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 1, xóm Vân Lai, thôn Vân Bông, Xã Khánh Hải, Huyện Yên Khánh, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Đội 1, xóm Vân Lai, thôn Vân Bông, Xã Khánh Hải, Huyện Yên Khánh, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội